

THÔNG BÁO

Kết quả xét tuyển đại học chính quy đợt 1 năm 2026

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 474/QĐ-ĐHXDHN ngày 19 tháng 3 năm 2026 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học; Quyết định số 731/QĐ-ĐHXDHN ngày 07 tháng 5 năm 2026 về việc phê duyệt Thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2026; Quyết định số 1057/QĐ-ĐHXDHN ngày 24 tháng 6 năm 2026 về việc ban hành Thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2026 tại Phân hiệu Thành phố Hồ Chí Minh của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội;

Căn cứ Công văn số 2304/BGDĐT-GDĐH ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1420/QĐ-ĐHXDHN ngày 09 tháng 8 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội về việc phê duyệt điểm trúng tuyển đại học chính quy đợt 1 năm 2026;

Trường Đại học Xây dựng Hà Nội thông báo kết quả xét tuyển đại học chính quy năm 2026 (Phụ lục kèm theo).

Nơi nhận:

- Website tuyển sinh;
- BGH (để báo cáo);
- Lưu: VT, TT&TS.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS Bùi Phú Doanh

ĐIỂM TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 1 NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 893/ĐHXDHN-TSĐH ngày 09/8/2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội)

1. Tại cơ sở chính (Thành phố Hà Nội):

Số TT	Mã tuyển sinh	Ngành/ chuyên ngành/ CTĐT	Điểm trúng tuyển (*)
1	XDA01	Kiến trúc	21,87
2	XDA02	Kiến trúc/ Kiến trúc công nghệ	20,00
3	XDA03	Kiến trúc cảnh quan	19,35
4	XDA04	Kiến trúc nội thất	20,20
5	XDA05	Quy hoạch vùng và đô thị	21,60
6	XDA06	Mỹ thuật đô thị	23,47
7	XDA07	Kỹ thuật xây dựng	24,45
8	XDA08	Kỹ thuật xây dựng/ Xây dựng dân dụng và công nghiệp	25,15
9	XDA09	Kỹ thuật xây dựng/ Hệ thống kỹ thuật trong công trình	23,94
10	XDA10	Kỹ thuật xây dựng/ Tin học xây dựng	23,96
11	XDA11	Kỹ thuật xây dựng/ Kỹ thuật công trình biển	23,37
12	XDA12	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	23,02
13	XDA13	Kỹ thuật xây dựng công trình Giao thông/ Xây dựng Cầu đường	24,00
14	XDA14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông/ Đường sắt tốc độ cao và đường sắt đô thị	24,26
15	XDA15	Kỹ thuật Cấp thoát nước/ Kỹ thuật nước - Môi trường nước	22,74
16	XDA16	Kinh tế xây dựng	24,92
17	XDA17	Quản lý xây dựng/ Kinh tế và quản lý đô thị	24,10
18	XDA18	Quản lý xây dựng/ Kinh tế và quản lý bất động sản	23,50
19	XDA19	Quản lý xây dựng/ Quản lý hạ tầng, đất đai đô thị	23,47
20	XDA20	Quản lý xây dựng/ Kiểm toán đầu tư xây dựng	24,30
21	XDA21	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	24,42
22	XDA22	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng	23,72
23	XDA23	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	25,45
24	XDA24	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng/ Logistics đô thị	24,75
25	XDA25	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng/ Logistics công nghiệp	24,97
26	XDA26	Công nghệ thông tin	23,76
27	XDA27	Công nghệ thông tin/ Công nghệ đa phương tiện	23,17
28	XDA28	Công nghệ thông tin/ An toàn thông tin	24,86

Số TT	Mã tuyển sinh	Ngành/ chuyên ngành/ CTĐT	Điểm trúng tuyển (*)
29	XDA29	Khoa học máy tính	24,63
30	XDA30	Khoa học dữ liệu	24,67
31	XDA31	Kỹ thuật cơ khí	26,14
32	XDA32	Kỹ thuật cơ khí/ Máy xây dựng	23,92
33	XDA33	Kỹ thuật cơ khí/ Kỹ thuật cơ điện	25,70
34	XDA34	Kỹ thuật cơ khí/ Kỹ thuật ô tô	24,89
35	XDA35	Kỹ thuật cơ điện tử	26,67
36	XDA36	Kỹ thuật điện	26,62
37	XDA37	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	28,00
38	XDA38	Kỹ thuật vật liệu	25,30
39	XDA39	Kỹ thuật Môi trường	22,82
40	XDA40	Quản lý dự án	24,50
41	XDA41	CTĐT Nghệ thuật và thiết kế	24,10
42	XDA42	Kỹ thuật xây dựng (Chương trình đào tạo Kỹ sư chất lượng cao - PFIEV)	23,00
43	XDA43	Kỹ thuật xây dựng (Chương trình chuẩn đầu ra tiếng Anh, hợp tác với Đại học Mississippi, Hoa Kỳ)	22,40
44	XDA44	Khoa học Máy tính (Chương trình chuẩn đầu ra tiếng Anh, hợp tác với Đại học Mississippi, Hoa Kỳ)	22,60

2. Tại Phân hiệu Thành phố Hồ Chí Minh:

Số TT	Mã tuyển sinh	Ngành/ chuyên ngành/ CTĐT	Điểm trúng tuyển (*)
1	XDA01	Kiến trúc	21,87
2	XDA04	Kiến trúc nội thất	20,20
3	XDA08	Kỹ thuật xây dựng/ Xây dựng dân dụng và công nghiệp	18,75
4	XDA13	Kỹ thuật xây dựng công trình Giao thông/ Xây dựng Cầu đường	16,00
5	XDA15	Kỹ thuật Cấp thoát nước/ Kỹ thuật nước - Môi trường nước	16,00
6	XDA16	Kinh tế xây dựng	17,00
7	XDA23	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	17,00

Ghi chú: Điểm trúng tuyển (*) là điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026, thí sinh xét tuyển theo các phương thức khác đã được quy đổi tương đương với điểm của phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT theo thông báo tại <https://tuyensinh.huce.edu.vn/muc-diem-nhan-dang-ky-xet-tuyen-vao-dai-hoc-chinh-quy-dot-1-nam-2026-va-quy-doi-diem-giua-cac-phuong-thuc-xet-tuyen-1>